

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v: *Ly hôn*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiêu

- Ông Bùi Khắc Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Kim L, sinh năm 1978

Địa chỉ: 306 Bùi Đình Túy, phường 12, quận B, TP. Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 2, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị L, anh L vắng – có đơn xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Bùi Văn L tự nguyện kết hôn năm 2018 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, do khó khăn về kinh tế, tài chính, ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác nữa, chị không tiện trình bày. Năm 2020 anh L bỏ về xã Gi, huyện N ở, anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh

Linh, mâu thuẫn sâu sắc không thể hàn gắn, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lkhông có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Bùi Văn L: Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo và giấy báo của Tòa án, tuy nhiên anh Lkhông đến Tòa án làm việc trực tiếp nhưng có nhờ mẹ đẻ là bà Đinh Thị S có ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến bà Đinh Thị S (mẹ đẻ của anh Linh) thể hiện tại Bản tự khai ngày 25/7/2022: Bà xác định thời điểm kết hôn và sinh sống như chị Ltrình bày là đúng. anh Lhiện đang đi làm xây dựng trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7, về nhà nghỉ xong lại đi tiếp. anh Lđã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án huyện N thông báo về việc chị Lxin ly hôn. anh Lcó nói với bà vì điều kiện công việc bận rộn nên không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn được. anh Lđề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ý kiến của anh Lnhư sau: Về tình cảm: anh Lnhất trí ly hôn với chị Loan. Khi tình cảm vợ chồng không còn chị Lđã có người khác và đang mang bầu với người khác. Nên anh nhất trí giải phóng cho chị Lđi tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Không có. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/5/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án đã báo gọi anh Lnhiều lần, tuy nhiên anh Lvắng mặt trong Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lý Thị Kim L. Xử lý hôn giữa Chị Lý Thị Kim L và Anh Bùi Văn L.

2. *Về án phí ly hôn:* Chị Lý Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh L thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan

hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh L là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự không có con chung vì vậy không đặt ra vấn đề giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị Kim L phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lý Thị Kim L. Xử lý hôn giữa Chị Lý Thị Kim L và Anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị Kim L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003599 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Kim L và Anh Bùi Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH